

Số: 344 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề cương, dự toán chi phí lập Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Bến cảng Ô Môn (Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm cảng biển, bến thủy nội địa và kho bãi phục vụ tại phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPQH ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;



Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành Danh mục dự án quy hoạch xây dựng, dự án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 397/TTr-SXD ngày 06 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, dự toán chi phí lập Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Bến cảng Ô Môn (Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm cảng biển, bến thủy nội địa và kho bãi phục vụ tại phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ), với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm cảng biển, bến thủy nội địa và kho bãi phục vụ tại phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Vị trí, quy mô lập quy hoạch.

a) Vị trí giới hạn: phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn, giới hạn như sau:

- Phía Bắc: giáp sông Hậu và nhà máy Nhiệt điện Ô Môn.
- Phía Nam: đất nông nghiệp đang canh tác.
- Phía Đông: giáp nhà máy Nhiệt điện Ô Môn và đường Đặng Thanh Sử.
- Phía Tây: giáp đất nông nghiệp đang canh tác và sông Ô Môn.

b) Quy mô diện tích lập đồ án quy hoạch: khoảng 77,99 ha.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng: Sở Xây dựng.

4. Cơ quan phê duyệt quy hoạch xây dựng: Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Cấp phê duyệt dự toán: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

7. Nguồn vốn lập quy hoạch xây dựng: vốn đầu tư công.

8. Thời gian thực hiện: năm 2025.

9. Dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng tạm tính đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng: **586.210.000 đồng**. (Năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Giá trị Dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng tạm tính làm cơ sở quản lý chi phí, khi thanh quyết toán căn cứ sản phẩm được nghiệm thu theo các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng và các quy định khác có liên quan.



Điều 2.


1. Giao Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn Sở Xây dựng trình tự, thủ tục bố trí vốn và sử dụng kinh phí theo dự toán nêu trên, thực hiện lập Đồ án quy hoạch theo quy định.

2. Giao Sở Xây dựng (cơ quan lập quy hoạch xây dựng) có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch theo đúng quy định; đồng thời rà soát, tổng hợp, tham mưu cập nhật Đồ án Quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ô Môn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /g

(Đính kèm Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBNDTP (1AB);
- VP UBND TP (3D);
- Công TTĐT TPCT;
- Lưu: VT, NCH 

2493-397



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Tấn Hiển



PHỤ LỤC 1
ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU
TỶ LỆ 1/2000 BẾN CẢNG Ô MÔN (QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ
1/2000 CỤM CẢNG BIỂN, BẾN THỦY NỘI ĐỊA VÀ KHO BÃI PHỤC VỤ
TẠI PHƯỜNG PHƯỚC THỜI VÀ PHƯỜNG THỜI AN, QUẬN Ô MÔN,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ)

*(Kèm theo Quyết định số 344 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPQH ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ Ban hành Danh mục dự án quy hoạch xây dựng, dự án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Công văn số 3942/UBND-XĐĐT ngày 13 tháng 9 năm 2024 về việc lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Bến cảng Ô Môn và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 02 khu đất tại khu vực cảng Cái Cui và cảng Thốt Nốt.

Công văn số 110/SHKĐT-KT ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát quy hoạch và các nội dung liên quan đến hệ thống cảng.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tên đồ án quy hoạch

Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm cảng biển, bến thủy nội địa và kho bãi phục vụ tại phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Phạm vi ranh giới và quy mô lập đồ án quy hoạch

a) Ranh giới lập đồ án quy hoạch: phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn, giới hạn như sau:

- Phía Bắc: giáp sông Cần Thơ và nhà máy Nhiệt điện Ô Môn.
- Phía Nam: giáp đường Đặng Thanh Sử và đất nông nghiệp đang canh tác.
- Phía Đông: giáp nhà máy Nhiệt điện Ô Môn và đường Đặng Thanh Sử.
- Phía Tây: giáp đất nông nghiệp đang canh tác.

b) Quy mô diện tích lập đồ án quy hoạch: khoảng 77,99 ha.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

Lập Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm cảng biển, bến thủy nội địa và kho bãi phục vụ tại phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo đúng quy định pháp luật, phục vụ công tác quản lý quy hoạch sau khi quy hoạch tỉnh được ban hành và phục vụ công tác mời gọi đầu tư.

4. Nội dung thực hiện lập quy hoạch



a) Lập Nhiệm vụ quy hoạch đô thị.

b) Khảo sát hiện trạng địa hình và thu thập tài liệu.

- Khảo sát: khảo sát hiện trạng địa hình, kiến trúc, cảnh quan.

- Thu thập tài liệu: thu thập tài liệu thông tin về khu vực dự án, các đồ án đã được phê duyệt, trong đó bao gồm các yếu tố địa hình, địa vật, kiến trúc, giao thông, thủy văn, thực vật phủ, các định hướng phát triển kinh tế xã hội, các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan đến đồ án quy hoạch.

- Đánh giá tổng hợp.

c) Lập phương án đồ án quy hoạch: trên cơ sở phân tích đánh giá hiện trạng, rà soát, cập nhật các đồ án đã phê duyệt, cập nhật các định hướng liên quan, đề xuất phương án cơ bản đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra.

5. Hồ sơ sản phẩm

Theo quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý đô thị; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

6. Các công việc liên quan đến việc lập quy hoạch

Bảng thống kê các công việc

Stt	Nội dung công việc	Dự kiến thời gian thực hiện (ngày)	Ghi chú
01	Lựa chọn nhà thầu		Theo quy định
02	Lập nhiệm vụ quy hoạch	01 tháng	Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
03	Khảo sát địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch và thu thập tài liệu, thông tin các ngành, lĩnh vực khác có liên quan.	30 ngày	Dự kiến thời gian phù hợp theo khối lượng công việc.
04	Lập đồ án quy hoạch	04 tháng	Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
05	Lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư.	30 ngày	Khoản 4 Điều 21 Luật quy hoạch đô thị
06	Thẩm định đồ án quy hoạch	25 ngày	Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
07	Quản lý nghiệp vụ lập đồ án		Theo quy định
08	Công bố đồ án quy hoạch (Hội nghị công bố, in ấn tờ rơi...)	15 ngày	Khoản 12 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch

Stt	Nội dung công việc	Dự kiến thời gian thực hiện (ngày)	Ghi chú
09	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán		Theo quy định hiện hành
10	Xây dựng kế hoạch Cẩm mốc giới và quản lý mốc giới theo đồ án quy hoạch		Thực hiện sau khi đồ án quy hoạch được duyệt: - Lập hồ sơ quản lý sau khi đồ án quy hoạch được phê duyệt. - Kế hoạch cắm mốc giới phải phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng, kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển đô thị.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trình tự lập và phê duyệt đồ án quy hoạch

a) Lập, thẩm định và phê duyệt đề cương, dự toán chi phí: Sở Xây dựng (cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng) chủ trì lập, trình thẩm định đề cương, dự toán chi phí, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Lựa chọn nhà thầu thực hiện quy hoạch: thực hiện theo quy định.

c) Lập Nhiệm vụ quy hoạch đô thị: Sở Xây dựng cơ quan tổ chức lập Nhiệm vụ quy hoạch đô thị, trình thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

d) Lập đồ án quy hoạch đô thị: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

đ) Công bố đồ án được duyệt:

Sau khi đồ án quy hoạch được duyệt, Sở Xây dựng tổ chức công bố theo quy định.

e) Thanh toán, quyết toán khối lượng thực hiện.

g) Lập kế hoạch cắm mốc giới và quản lý theo quy hoạch đô thị.

2. Phương thức thực hiện

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng: Sở Xây dựng.

b) Nguồn vốn lập quy hoạch: vốn đầu tư công.

c) Thời gian thực hiện: năm 2025.

IV. DỰ TOÁN CHI PHÍ

Tổng cộng chi phí: 586.210.000 đồng. (Năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng, kèm theo Phụ lục dự toán.





PHỤ LỤC 2

ĐU TOÁN CHI PHÍ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ 1/2000 BÊN CẢNG Ô MÔN (QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ 1/2000 CỤM CẢNG BIÊN, BÊN THUYỀN NỘI ĐỊA VÀ KHO BÃI PHỤC VỤ TẠI PHƯỜNG PHƯỚC THỜI VÀ PHƯỜNG THỜI AN, QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ)

(Kèm theo Quyết định số 344 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Stt	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch			101.680.510	
	Chi phí khảo sát địa hình (đã bao gồm 10% thuế VAT)	Gks	Bảng tính	101.680.510	
II	Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng			481.207.599	
1	Chi phí lập đồ án quy hoạch sau thuế	Gqgst	Gqhtt + VAT	410.196.215	Bảng 3, Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
1.1	Chi phí lập đồ án quy hoạch trước thuế	Gqhtt	Bảng tính	372.905.650	
1.2	Thuế giá trị gia tăng	VAT	10%	37.290.565	
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch sau thuế	Gnvst	Gnvtt + VAT	71.011.384	Bảng 3, Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
2.1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch trước thuế	Gnvtt	Bảng tính	64.555.804	
2.2	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	VAT	10%	6.455.580	
III	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	K1	0,57% x Tổng dự toán quy hoạch	3.322.462	Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021
	Tổng cộng			586.210.572	
			Làm tròn	586.210.000	
<i>(Năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng)</i>					